

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2018
V/v: tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Mai Trọng Thắng – Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Ông Nguyễn Thanh Toàn – Phó Giám đốc Nhà thiếu nhi Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lương Vũ Thùy Dung - là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 637/2017/HNST ngày 24/10/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bửu L, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1973 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 645/26/13 đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2017, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án do nguyên đơn bà Trần Thị Bửu L trình bày:

Bà và ông Lê Minh T qua thời gian tìm hiểu khoảng 03 năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 133 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/9/2000).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng hơn 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong quá trình chung sống, ông T lười lao động, chỉ thích cá độ đá banh và số đề nên vợ chồng hay gây gổ... Bà đã cho ông T nhiều cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả mà vẫn tiếp tục chứng nào tật nấy, vợ chồng đã trao đổi để khắc phục nhiều lần nhưng vẫn không thể hàn gắn; thực tế cả hai đã sống ly thân từ năm 2005. Nay nhận thấy mâu thuẫn không thể khắc phục, thời gian ly thân kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Minh T để giải phóng cho nhau.

- Về con chung: bà L trình bày quá trình chung sống có 01 con chung là Lê Trần Minh Tuấn T, sinh ngày 17/7/2000. Bà đề nghị giao cho bà nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà đề nghị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: bà xác định không có.

Ngày 08/01/2018, bà L nộp Đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do đi công tác xa và giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày ở trên.

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố lời khai trong quá trình giải quyết vụ án do bị đơn ông Lê Minh T trình bày:

Ông T đến Tòa vào ngày 17/11/2017 và được Tòa án hướng dẫn làm bản tự khai đầy đủ nhưng ông chỉ viết nội dung: “Chúng tôi còn một số tranh chấp cần thời gian thương lượng. Sau khi thương lượng được sẽ tính chuyện ly hôn. Để tự chúng tôi giải quyết báo cho Tòa trong lần làm việc sau”, sau đó ông T tự ý bỏ về.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa lần một ngày 08/1/2018, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đồng thời hướng dẫn cho ông T làm bản tự khai để trình bày ý kiến nhưng đến thời điểm xét xử ông T vẫn không nộp bất kỳ tài liệu nào để Hội đồng xét xử xem xét. Ngày 10/01/2018, Tòa án nhận được Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 09/1/2018 và bản sao chứng minh nhân dân, hộ khẩu của ông Lê Minh T gửi qua đường bưu điện có ghi nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Lê Trần Minh Tuấn T, mẹ nuôi không chu cấp.
- Về tài sản chung: tự giải quyết.
- Về nợ chung, nợ riêng: không có.

Nay tôi làm đơn này xin quý tòa cho tôi được vắng mặt trong các buổi làm việc, hoà giải và xét xử tại Tòa án các cấp trong vụ án nói trên. Lý do: Làm ăn xa không về có mặt tại tòa.”

Tại phiên tòa, bị đơn ông T xác nhận chữ viết trong văn bản trên là của mình. Ông thừa nhận mâu thuẫn gia đình dẫn đến việc ly thân kéo dài do ông có ham vui chơi bởi cờ bạc, nhưng không bao giờ làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, vẫn chăm lo về mặt vật chất cho vợ con đầy đủ. Nay ông không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà L, ông xin được đoàn tụ để có thời gian thương lượng giải quyết vấn đề tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn bà Trần Thị Bửu L đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn ông Lê Minh T đã vi phạm việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, vắng mặt tại: phiên hòa giải ngày 30/11/2017; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/12/2017; phiên tòa xét xử lần đầu ngày 08/01/2018.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe chủ tọa công bố lời khai của nguyên đơn, nghe lời trình bày của bị đơn và nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Sau khi nghe Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu quan điểm;

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án;

Về thủ tục tố tụng:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Xét trong quá trình tòa thụ lý giải quyết, ngày 08/01/2018 bà L nộp Đơn xin xét xử vắng mặt và được Tòa chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt.

[3] Từ khi Tòa thụ lý vụ án đến nay, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Minh T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên hòa giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật triệu tập ông T nhưng ông liên tục vắng mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông T có mặt.

Về nội dung khởi kiện:

[4] - Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 133 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/9/2000 Hội đồng xét xử khẳng định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Bửu L và ông Lê Minh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, cuộc sống chung giữa ông T và bà L từng có thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó là cả quá trình mâu thuẫn theo như bà L và ông T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T ham mê cờ bạc, tuy rằng theo ông T thì việc ham mê cờ bạc của ông không làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình nhưng đối với phía bà L đã mất niềm tin vào ông T. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, dẫn đến việc sống ly thân giữa hai người từ năm 2005 đến nay. Những nguyên nhân này là động cơ thúc đẩy bà L xin ly hôn ông T.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông T cho rằng vợ chồng còn một số tranh chấp cần thời gian thương lượng, Tòa đã nhiều lần tạo điều kiện thông qua việc mở các phiên hòa giải và phiên họp để cho ông T có cơ hội trình bày nhưng ông T lại không nắm bắt, tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng, điều đó thể hiện sự thiếu trách nhiệm với chính quan hệ hôn nhân của mình. Chính những hành động của ông T đã làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng và không thể hàn gắn. Đến ngày 09/1/2018, ông T mới gửi văn bản xác định quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy, lý do xin

đoàn tụ của ông T không xuất phát từ mục đích hàn gắn xây dựng gia đình hạnh phúc nên không có cơ sở để chấp nhận, nếu chỉ vì mục đích giải quyết tài sản, mà các bên không tự thương lượng được thì các bên có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

Từ những phân tích và căn cứ nêu trên, xét thấy, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa bà L ông T chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp luật, bởi hôn nhân thực tế không còn tồn tại, không đem lại hạnh phúc đích thực cho nhau. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[5] - Về con chung: các đương sự có 01 con chung họ tên: Lê Trần Minh Tuấn T, sinh ngày 17/7/2000. Xét từ khi ông T và bà L sống ly thân đến nay thì bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, bà L có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 05/12/2017 cháu Lê Trần Minh Tuấn T đã khai và thể hiện nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ vì mẹ chăm sóc tốt hơn. Xét thấy, ông T cũng xác nhận con chung từ trước tới nay do bà L chăm sóc nuôi dưỡng, mặc dù ông không trực tiếp hàng tháng cấp dưỡng nuôi con nhưng ông đã làm tròn trách nhiệm của người chồng người cha thể hiện qua việc ông đã để bà L thu toàn bộ số tiền cho thuê nhà để bà L chăm sóc nuôi con ăn học. Xét, để đảm bảo sự phát triển toàn diện về mặt tâm sinh lý của trẻ nên chấp nhận giao trẻ Lê Trần Minh Tuấn T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

[6] - Về tài sản chung: bà L và ông T đều đề nghị tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa giải quyết, ông T chỉ đưa ra ý kiến còn cần thương lượng nhưng đến nay ông T vẫn không có yêu cầu cụ thể hay bất kỳ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh nên Tòa không xét. Nếu có tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng thì ông T có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[7] - Về nợ chung: Bà L, ông T xác nhận không có nên tòa không xét.

[8] - Về nợ riêng: Bà L, ông T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] - Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Bửu L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 91; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị Bửu L.

- Về nội dung:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Bửu L được ly hôn với ông Lê Minh T.

2. Về con chung: Hai bên xác nhận có 01 con chung họ tên: Lê Trần Minh Tuấn T, sinh ngày 17/7/2000.

Giao bà Trần Thị Bửu L là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, ông Lê Minh T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp thì các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về nợ chung, nợ riêng: bà L, ông T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Bửu L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0024460 ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7. Bà L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Án xử công khai, tại thời điểm tuyên án có mặt bị đơn ông T, nguyên đơn bà L vắng mặt. Ông Lê Minh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bà Trần Thị Bửu L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TpHCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Trần Thị Thủy